

**ỦY BAN DÂN SỐ, GIA ĐÌNH
VÀ TRẺ EM**

**QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng, Chủ
nhiệm Ủy ban Dân số, Gia
đình và Trẻ em số 06/2004/QĐ-
UBDSGDTE ngày 09/9/2004
về việc ban hành Quy chế tổ
chức và hoạt động của Trung
tâm Thông tin.**

**BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM ỦY BAN
DÂN SỐ, GIA ĐÌNH VÀ TRẺ EM**

*Căn cứ Nghị định số 94/2002/NĐ-CP
ngày 11 tháng 11 năm 2002 của Chính
phủ quy định chức năng, nhiệm vụ,
quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban
Dân số, Gia đình và Trẻ em;*

*Căn cứ Quyết định số 66/2003/QĐ-
UBDSGDTE ngày 20 tháng 02 năm 2003
của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân
số, Gia đình và Trẻ em về việc quy định
chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ
chức của Trung tâm Thông tin;*

*Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức
cán bộ và Giám đốc Trung tâm Thông tin
thuộc Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ
em,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết

định này Quy chế tổ chức và hoạt động
của Trung tâm Thông tin thuộc Ủy ban
Dân số, Gia đình và Trẻ em.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực sau 15
ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Các
quy định trái với quy định trong Quyết
định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Các Vụ trưởng Vụ Tổ chức
Cán bộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin,
Chánh Văn phòng và Thủ trưởng các đơn
vị thuộc Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ
em chịu trách nhiệm thi hành Quyết
định này./.

**BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM ỦY BAN
DÂN SỐ, GIA ĐÌNH VÀ TRẺ EM**

Lê Thị Thu

**QUY CHẾ TỔ CHỨC và hoạt động
của Trung tâm thông tin**

*(ban hành theo Quyết định số 06/2004/
QĐ-UBDSGDTE ngày 09/9/2004
của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban
Dân số, Gia đình và Trẻ em).*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy chế này quy định những
nội dung cơ bản về tổ chức và hoạt động
của Trung tâm Thông tin thuộc Ủy ban

Dân số, Gia đình và Trẻ em (sau đây gọi tắt là Trung tâm Thông tin).

Điều 2. Trung tâm Thông tin được thành lập theo Nghị định số 94/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em.

- Tên Trung tâm: Trung tâm Thông tin.

- Tên giao dịch quốc tế: Information Center for Population, Family and Children viết tắt là ICPFC.

- Trụ sở làm việc: 12 phố Ngô Tất Tố, quận Đống Đa, Hà Nội.

Điều 3. Trung tâm Thông tin là tổ chức sự nghiệp thông tin khoa học và công nghệ về dân số, gia đình và trẻ em, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, có tài khoản riêng, được mở tài khoản nội tệ (Đồng Việt Nam) và ngoại tệ tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Trung tâm Thông tin chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tổ chức, hoạt động và quản lý nguồn kinh phí theo quy định. Trung tâm Thông tin thuộc hệ thống các tổ chức thông tin khoa học và công nghệ về chuyên ngành dân số, gia đình và trẻ em, và chịu trách nhiệm thực hiện các quy định về thông tin khoa học và công nghệ. Trung tâm Thông tin là thành viên của mạng lưới

thông tin khu vực Châu Á và Thái Bình dương (POPIN) và chịu trách nhiệm thực hiện các cam kết với POPIN trong khuôn khổ hợp tác giữa Việt Nam và các nước trong khu vực về lĩnh vực thông tin theo quy định của Nhà nước.

Chương II

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA TRUNG TÂM THÔNG TIN

Điều 5. Chức năng của Trung tâm Thông tin

1. Tham mưu giúp Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em trong việc tổ chức, quản lý hệ thống thông tin tư liệu và công nghệ thông tin trong ngành dân số, gia đình và trẻ em.

2. Tổ chức thu thập, lưu trữ, xử lý, phân tích và phổ biến thông tin, tư liệu về dân số, gia đình, trẻ em và các vấn đề khác có liên quan phục vụ yêu cầu quản lý và điều hành của Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em; tổ chức thực hiện đăng ký dân số và hệ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và hệ cơ sở dữ liệu chuyên ngành dân số, gia đình và trẻ em.

3. Tổ chức thực hiện các dịch vụ trong việc nghiên cứu, thu thập, lưu trữ, phân tích, xử lý, cung cấp thông tin tư liệu về dân số, gia đình, trẻ em và các thông tin tư liệu có liên quan theo nhu cầu; thực hiện các dịch vụ về công nghệ thông tin theo nhu cầu.

Điều 6. Nhiệm vụ chủ yếu của Trung tâm Thông tin

1. Chủ trì xây dựng phương hướng phát triển, chương trình, kế hoạch hoạt động dài hạn, trung hạn, ngắn hạn thông tin tư liệu về dân số, gia đình và trẻ em; tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

2. Xây dựng và tổ chức thực hiện hệ thống đăng ký dân số, hệ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và hệ cơ sở dữ liệu chuyên ngành dân số, gia đình, trẻ em.

3. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan trong việc xây dựng, quản lý điều hành trung tâm tích hợp dữ liệu, quản trị mạng phục vụ công tác quản lý ngành và thực hiện theo chương trình chung của Chính phủ về tin học hóa quản lý hành chính nhà nước.

4. Chủ trì xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển công nghệ thông tin trong toàn ngành dân số, gia đình và trẻ em và trong nội bộ cơ quan Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em; thường trực Ban chỉ đạo Công nghệ thông tin của Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em.

5. Chủ trì, phối hợp tổ chức khảo sát, điều tra, thu thập, xử lý, phân tích số liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, quản lý nhà nước; xuất bản và phát hành các ấn phẩm về thông tin tư liệu, tạp chí dân số và phát triển, niên giám số liệu về dân số, gia đình và trẻ em và các loại ấn phẩm khác khi được phân công.

6. Đề xuất những nội dung nghiên cứu

khoa học về lĩnh vực thông tin tư liệu, công nghệ thông tin phục vụ cho công tác dân số, gia đình và trẻ em; phổ biến và ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn và tổ chức thực hiện sau khi được giao thực hiện.

7. Tổ chức và quản lý thư viện của Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em; quản lý lưu trữ thông tin tư liệu về lĩnh vực dân số, gia đình và trẻ em; hợp tác nghiên cứu, đào tạo, trao đổi kinh nghiệm với các cơ quan, đơn vị thông tin trong và ngoài nước về công tác thông tin tư liệu.

8. Thực hiện các chương trình, dự án về thông tin tư liệu, công nghệ thông tin thuộc lĩnh vực dân số, gia đình và trẻ em.

9. Tổ chức thực hiện các dịch vụ trong việc thu thập, xử lý, cung cấp thông tin tư liệu về dân số, gia đình và trẻ em và các thông tin tư liệu có liên quan theo nhu cầu; tổ chức thực hiện các dịch vụ về công nghệ thông tin theo nhu cầu thỏa thuận với cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của Nhà nước.

10. Chỉ đạo về chuyên môn nghiệp vụ và hỗ trợ hoạt động cho các Trung tâm thông tin khu vực.

11. Phối hợp với Trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức trong việc hướng dẫn nghiệp vụ thông tin tư liệu về lĩnh vực dân số, gia đình và trẻ em và công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức và những người làm công tác dân số, gia đình và trẻ em.

12. Quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, quản lý tài chính, tài sản của Trung tâm Thông tin theo quy định hiện hành của Nhà nước và Quy chế làm việc của Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em.

13. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em phân công.

Điều 7. Quyền hạn của Trung tâm Thông tin

1. Chủ động xây dựng phương hướng, kế hoạch, chương trình, dự án nhằm phát triển hệ thống thông tin tư liệu, công nghệ thông tin trong toàn ngành dân số, gia đình và trẻ em nói chung và của Trung tâm Thông tin nói riêng trình Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền.

2. Hướng dẫn các đơn vị thuộc Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em và Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em các địa phương về chuyên môn, nghiệp vụ trong việc xây dựng và phát triển hệ thống thông tin tư liệu, hệ thống công nghệ thông tin và việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật về công nghệ thông tin trong quản lý và điều phối công tác dân số, gia đình và trẻ em.

3. Chủ trì, phối hợp tổ chức thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực thông tin tư liệu, thông tin quản lý chuyên ngành dân số, gia đình, trẻ em và công nghệ thông tin phục vụ trong hệ

thống và ngoài hệ thống của Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em.

4. Có quyền lựa chọn các đối tượng, xây dựng và thực thi các chương trình, dự án về thông tin và công nghệ thông tin về dân số, gia đình và trẻ em kể cả với nước ngoài và các tổ chức quốc tế theo quy định.

5. Nghiên cứu biên soạn và xuất bản các ấn phẩm, xuất bản tạp chí, bản tin phục vụ yêu cầu quản lý và điều hành công tác dân số, gia đình và trẻ em theo đúng quy định hiện hành.

6. Xây dựng và bổ sung số lượng và chất lượng sách, tạp chí, các nguồn thông tin phục vụ chung nhu cầu quản lý ngành.

7. Tổ chức thực hiện các dịch vụ về thu thập, xử lý, cung cấp thông tin tư liệu về dân số, gia đình và trẻ em và các thông tin tư liệu có liên quan; các dịch vụ về công nghệ thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Trách nhiệm về quản lý của Trung tâm thông tin

1. Tổ chức xây dựng kế hoạch, hoạt động, chương trình, dự án thông tin và công nghệ thông tin trong lĩnh vực dân số, gia đình và trẻ em.

2. Thực hiện tốt nhiệm vụ là thường trực của Ban chỉ đạo Công nghệ thông tin của Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em.

3. Lập kế hoạch đầu tư, nâng cấp, đổi mới tiềm lực thông tin và công nghệ thông tin của Trung tâm Thông tin trong các giai đoạn về nhân lực thông tin công nghệ, cơ sở vật chất.

Điều 9. Trách nhiệm hành chính của Trung tâm Thông tin

1. Sử dụng, khai thác có hiệu quả các nguồn kinh phí và các máy móc, trang thiết bị do Nhà nước đầu tư và các nguồn tài trợ từ các chương trình, dự án của các tổ chức quốc tế.

2. Trong các kỳ kế hoạch, Trung tâm Thông tin có trách nhiệm xây dựng và thực thi các kế hoạch, chương trình, dự án thông tin công nghệ; đổi mới, nâng cấp và sử dụng có hiệu quả những trang thiết bị và phương tiện, các nguồn thông tin - tư liệu phục vụ cho hoạt động của Trung tâm Thông tin và quản lý, điều hành của Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em.

3. Sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí công nghệ thông tin và thông tin tư liệu do Bộ Khoa học Công nghệ cung như Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em phân bổ trong các kỳ kế hoạch phục vụ cho việc thực hiện các chương trình, dự án thông tin công nghệ về dân số, gia đình và trẻ em.

4. Chịu trách nhiệm quản lý tài chính (ngân sách, vốn vay, vốn viện trợ...), quản lý tài sản theo luật ngân sách và theo các quy định hiện hành của nhà nước; quản lý cán bộ theo chế độ phân cấp

hiện hành của nhà nước, phát huy tối đa năng lực sáng tạo của cán bộ và quyền lợi của cán bộ công nhân viên chức của Trung tâm Thông tin.

Chương III

TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ MỐI QUAN HỆ

Điều 10. Phân cấp quản lý cán bộ

1. Lãnh đạo Trung tâm Thông tin gồm Giám đốc và các Phó Giám đốc.

2. Giám đốc và các Phó giám đốc Trung tâm Thông tin do Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em bổ nhiệm và miễn nhiệm theo quy định của pháp luật.

3. Kế toán phụ trách công tác Tài chính - Kế toán của Trung tâm Thông tin do Giám đốc Trung tâm Thông tin quyết định theo quy định hiện hành để giúp Giám đốc Trung tâm Thông tin quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài chính theo quy định của pháp luật.

4. Trưởng, phó phòng do Giám đốc Trung tâm Thông tin bổ nhiệm theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Biên chế thường xuyên của Trung tâm Thông tin do Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em quyết định (do ngân sách nhà nước trả lương). Căn cứ vào nhu cầu và khả

năng tài chính, Trung tâm Thông tin hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Tổ chức bộ máy của Trung tâm Thông tin

1. Phòng Cơ sở dữ liệu
2. Phòng Tích hợp hệ thống
3. Phòng Công nghệ thông tin
4. Phòng Phân tích và Khai thác
5. Phòng Tư liệu - Thư viện
6. Phòng Hành chính - Tổng hợp.

Nhiệm vụ cụ thể của bộ máy giúp việc thuộc Trung tâm Thông tin do Giám đốc Trung tâm Thông tin quyết định theo quy định.

Điều 13. Mối quan hệ của Trung tâm Thông tin

1. Trung tâm Thông tin có trách nhiệm phối hợp công tác với các vụ, đơn vị của Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em. Trung tâm Thông tin có quan hệ công tác với các cơ quan thông tin khoa học công nghệ, các viện, các trường, các trung tâm khoa học trong và ngoài nước cũng như các tổ chức quốc tế theo quy định của Nhà nước, đồng thời có nghĩa vụ thực hiện điều hòa, phối hợp các chương trình thông tin công nghệ do Ủy ban Dân số,

Gia đình và Trẻ em quản lý theo quy định chung.

2. Trong quá trình hoạt động, Trung tâm Thông tin được Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em ủy nhiệm trong việc hướng dẫn và triển khai thực hiện các hoạt động về công nghệ thông tin, thông tin tư liệu về lĩnh vực dân số, gia đình và trẻ em trong hệ thống ngành.

3. Giám đốc Trung tâm Thông tin chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em trong việc quản lý, điều hành và kết quả thực hiện toàn bộ các hoạt động của Trung tâm Thông tin.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Quy chế này gồm 4 chương 15 điều, có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Mọi quy định trái với Quy chế này đều bãi bỏ.

Điều 15. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế do Giám đốc Trung tâm Thông tin, Vụ trưởng Vụ Tổ chức Cán bộ đề nghị; Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em quyết định./.

HẾT